

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	76/2023/HS-PT	13/11/2023	TAND tỉnh Bạc Liêu	<p>Bản án số 76/2023/HS-PT ngày 13/11/2023 của TAND tỉnh Bạc Liêu</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bạc Liêu - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt 03 năm tù <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Xuất phát từ mối quan hệ quen biết từ trước giữa ông Từ Văn H1 và bị cáo Nguyễn Thanh B (ông H1 là người được giao quản lý Công ty TNHH Một thành viên Kỹ nghệ sinh hoá Khánh Hoàng, do ông Hồ Diệp Hoàng làm Giám đốc). Vào đầu tháng 6 năm 2021, ông Từ Văn H1 đến nhà bị cáo B ở Khóm 2, Phường 1, Thị xã Giá Rai chơi, trong lúc ngồi nói chuyện với nhau thì ông H1 nói Công ty chưa có giấy phép hoạt động về bảo vệ môi trường. Từ đó, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và nói dối với ông H1 có quen biết người ở tỉnh Bạc Liêu làm được giấy tờ, hồ sơ đảm bảo về môi trường cho Công ty của ông H1 đủ điều kiện hoạt động và yêu cầu ông H1 đưa số tiền 200.000.000 đồng để lo việc làm giấy. Sau khi nghe bị cáo nói xong, ông H1 tin tưởng và ông nói lại cho ông Hồ Diệp Hoàng biết việc này thì ông Hoàng đồng ý.</p> <p>Sau khi nhận được tổng số tiền 200.000.000 đồng từ ông H1, bị cáo không nhờ người giúp làm giấy phép bảo vệ môi trường và bản thân bị cáo cũng không phải là người làm trong lĩnh vực này nên bị cáo B nói dối với ông H1 là “Công ty của ông H1 nằm trong khu vực cấm nên không cấp giấy phép được và số tiền 200.000.000 đồng B đã đưa cho người khác để nhờ làm giấy phép nên không còn tiền”, nhưng bị cáo không trả lại số tiền 200.000.000 đồng mà</p>	https://drive.google.com/file/d/1O0n7PUvinQEey0rgqpU4zs4QFLv8bYD1/view?usp=sharing

chiếm đoạt chi xài cá nhân. Ông H1 nhiều lần gặp yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 200.000.000 đồng nhưng bị cáo không đồng ý trả nên ông H1 đến Công an thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu trình báo sự việc. Quá trình điều tra bị cáo B đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Ngày 11/8/2023, bị cáo Nguyễn Thanh B kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B **03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được đối trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến 07/12/2022.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh B.
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST, ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356
3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2.	84/2023/ HS-PT	27/12/2023	TAND TP. Cần Thơ	<p>Bản án số 84/2023/HS-PT ngày 27/12/2023 của TAND TP. Cần Thơ</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cấp xét xử: Phúc thẩm- Loại án: Hình sự- Tòa án xét xử: TAND TP. Cần Thơ- Áp dụng án lệ: Không- Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Bà Lê Thị Phương T1 mong muốn tìm người lo cho chồng là Nguyễn Anh T2 được học bác sĩ tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ nên vào giữa tháng 7/2022 bà thông qua Nguyễn Văn T3 để liên lạc với Phùng Bá T đang công tác tại Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ nhờ T giúp T2 được xét trúng tuyển chuyên ngành bác sĩ tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ kỳ xét tuyển năm 2022.</p> <p>Sau khi trao đổi qua điện thoại, T hứa hẹn sẽ lo nộp hồ sơ và giúp T2 được xét trúng tuyển kỳ xét này với giá 250.000.000 đồng. Bà T1 đồng ý với điều kiện sẽ chuyển khoản trước số tiền 80.000.000 đồng cho T, khi nào T2 được trúng tuyển bà T1 sẽ chuyển tiếp số tiền còn lại. Sau khi nhận số tiền 80.000.000 đồng của T1, T đã rút số tiền này ra tiêu xài cá nhân hết và không thực hiện việc nộp hồ sơ xét tuyển cho T2 như đã hứa hẹn với T1 trước đó.</p> <p>Đến khoảng giữa tháng 9/2022, bà T1 biết được ông T2 không trúng tuyển do không đủ tiêu chuẩn nên tiếp tục liên hệ với T nhờ T giúp đỡ cho ông T2 thi đậu vào kỳ thi đánh giá năng lực liên thông chính quy năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. T yêu cầu bà T1 phải đưa thêm 40.000.000 đồng nhưng T1 chỉ đồng ý đưa thêm 30.000.000 đồng và chuyển tiền cho T số tiền này. Sau khi nhận được 30.000.000 đồng của bà T1, T không thực hiện việc lo cho ông T2 thi đậu kỳ thi tuyển liên thông Đại học chính quy năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ mà sử dụng vào tiêu xài cá nhân hết.</p> <p>Sau đó, thấy T2 không được thi vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, bà T1 nhiều lần liên lạc với T nhưng không được. Lúc này bà biết mình đã bị lừa nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tố giác Phùng Bá T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1oPmj18QxhboTKODwuFlcLrAggLhTHFef/vie w?usp=sharing</p>
----	-------------------	------------	---------------------	--	--

Ngày 06/10/2023 bị cáo Phùng Bá T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Bá T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phùng Bá T **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bị cáo chấp hành án.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Bá T. Sửa bản án hình sự sơ của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
2. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Bá T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
3. Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phùng Bá T **02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/12/2023).

4. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357
3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bản án số 10/2024/HS-PT ngày 25/01/2024 của TAND tỉnh Bình Thuận

Thông tin chung:

- Cấp xét xử: Sơ thẩm
- Loại án: Hình sự
- Tòa án xét xử: TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ án: Bùi Thị T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại

Tóm tắt nội dung vụ án:

Khoảng Công ty T2 đã ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần T3, trong đó có việc Công ty T2 cho khách hàng vay tiền để mua hàng trả góp tại các cửa hàng Thế giới di động (Điện Máy X1) dưới hình thức đề nghị vay vốn. Vào ngày 20/3/2023, Công ty T2 làm đơn tố cáo đối tượng Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị Kim O có hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công ty thông qua việc mua sản phẩm trả góp tại Đ, địa chỉ số F - F đường T thuộc khu phố B, phường T, thị xã L. Quá trình điều tra, đã xác định K và O đã bàn bạc, thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty T2 như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng cuối năm 2020, bà Trần Thị H2 có gửi nhờ một cuốn sổ hộ khẩu và một giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H2 tại nhà Nguyễn Đức Khoa.

Ngày 13/12/2020, K bàn bạc với Nguyễn Thị Kim O sử dụng sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà Trần Thị H2 để làm thủ tục mua sản phẩm trả góp tại Đ, sau đó bán lại sản phẩm mua trả góp cho người khác để lấy tiền tiêu xài và O đồng ý. Trước khi thực hiện hành vi trên, K đã liên hệ với Trần Đình T1 về việc bán lại sản phẩm trả góp cho T1 với giá không quá 80% giá trị sản phẩm.

Để tránh bị nhân viên Điện Máy X1 phát hiện sử dụng giấy tờ không chính chủ mua trả góp, K chở O đến một tiệm chụp hình tại thị xã L để chụp hình thẻ, sau đó K bóc tách ảnh trong chứng minh nhân dân của bà H2 và dán ảnh của O vào rồi cùng nhau đến Điện Máy xanh. Tại đây, K chọn mua trả góp 01 điện thoại hiệu OPPO RENO4 với giá 7.990.000 đồng, số tiền phải trả trước là 2.397.000 đồng và số tiền còn lại phải trả góp là 5.593.000 đồng. Sau khi thống nhất, O là người trực tiếp làm hợp đồng mua trả góp theo giấy tờ mang tên của bà Trần Thị H2. Quá trình làm hợp đồng, nhân viên Điện Máy X1 không phát hiện được hành vi gian dối của O và K trong việc sử dụng giấy tờ của

https://drive.google.com/file/d/1QM_sbCDrVX4Ie24DhKIAY6P7D8pFouCC/view?usp=sharing

3. 10/2024/
HS-PT 25/01/2024 TAND
tỉnh Bình
Thuận

bà H2 nên đã thực hiện việc ký hợp đồng mua hàng trả góp theo thông tin O cung cấp. Sau đó, K đã gọi điện cho T1 đến để đóng số tiền phải trả trước là 2.397.000 đồng, sau khi nhận được điện thoại thì K đưa cho anh T1 và T1 đưa số tiền còn lại cho K nhưng K không nhớ rõ đã nhận số tiền bao nhiêu. Trên đường về, K đưa toàn bộ số tiền trên cho O.

Vụ thứ hai: Vào ngày 29/01/2021, K tiếp tục mượn sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Bích H3 để cùng O đến Điện Máy X1 thực hiện hành vi mua hàng trả góp, sau đó bán tài sản kiếm tiền tiêu xài và không trả tiền trả góp theo hợp đồng. Khi mượn thì K nói mục đích để đi lấy quà tặng nên bà H3 đồng ý. Sau khi mượn được giấy tờ trên, K cạo sửa năm sinh trong giấy chứng minh nhân dân của bà H3 thành 1968, thay đổi hình ảnh của O vào giấy chứng minh của bà H3, sau đó cùng O đi làm thủ tục mua hàng điện tử trả góp tại cửa hàng Đ. Khi đến nơi, K chọn mua trả góp sản phẩm tủ lạnh hiệu PANASONIC với giá 15.380.000 đồng, số tiền phải trả trước là 4.614.000 đồng, số tiền còn lại phải trả góp là 10.766.000 đồng. Sau khi thống nhất, O là người trực tiếp làm hợp đồng mua trả góp theo giấy tờ mang tên của bà Lê Thị Bích H3. Quá trình làm hợp đồng thì nhân viên Điện Máy X1 không phát hiện được hành vi gian dối của O trong việc sử dụng giấy tờ của bà H3. Sau khi làm được hợp đồng, K đã gọi điện cho T1 đến để đưa số tiền phải trả trước là 4.614.000 đồng, sau khi nhận được tủ lạnh thì K đã bán sản phẩm cho T1 tại số I L, khu phố C, phường P, thị xã L và T1 đưa thêm cho K số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền này, K đưa cho O 1.000.000 đồng, còn lại K sử dụng tiêu xài hết.

Sau khi ký kết 02 hợp đồng trên, K và O không thực hiện việc đóng tiền trả góp theo hợp đồng. Qua rà soát, Công ty T2 đã phát hiện hành vi lừa đảo của K và O nên làm đơn tố cáo đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã L.

Phần dân sự: Gia đình Nguyễn Đức K đã bồi thường cho Công ty T2 toàn bộ số tiền bị thiệt hại là 17.400.000 đồng để khắc phục thiệt hại; đại diện công ty đã nhận tiền và không có yêu cầu gì khác.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS/P7, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi để điều tra, xét xử lại.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Đức K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/7/2023.

				<p>3. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.</p> <p>Xử phạt: Nguyễn Thị Kim O 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS/P7 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. 2. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi. 3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi để điều tra lại vụ án. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật Hình sự 2015: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:Điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 1 Điều 358 3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
4.	110/2024/HS-PT	28/02/2024	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 110/2024/HS-PT ngày 28/02/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm: Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 	https://drive.google.com/file/d/1sUk4tzLcKdjF716u-Q_pcGwIatNphNr2/view?usp=sharing

Tóm tắt nội dung vụ án:

Vào năm 1998 ông Cao Văn B, sinh năm 1961, cư trú: Khu phố C, thị trấn D, huyện P (nay là phường D, thành phố P), tỉnh Kiên Giang khai phá thửa đất khoảng 02 hecta ở ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 877/QĐ-UB, ngày 19/5/2005 thu hồi thửa đất của ông B phục vụ cho việc quy hoạch khu vực tái định cư 202 ha tại ấp S, xã D và giao Ủy ban nhân dân huyện P quản lý. Khi thu hồi đất, ông B được hỗ trợ bồi thường tài sản trên đất tổng số tiền 309.867.000 đồng. Sau khi đã nhận xong tiền hỗ trợ, bồi thường, ông B thấy những hộ dân trong khu vực gần đất của ông nhiều người tái bao chiếm phần đất đã bị thu hồi như ông và sử dụng, nên ông cũng vào khu đất của ông đã bị thu hồi tiếp tục khai thác, sử dụng.

Vào năm 2018, Nguyễn Công T thông qua việc kinh doanh bất động sản tại P nên quen biết với ông Cao Văn B. Trong khoảng thời gian này, ông B làm hợp đồng ủy quyền (quản lý, sử dụng, định đoạt) thửa đất ở ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho Nguyễn Công T. Giấy ủy quyền này hiện tại chỉ còn bản photo, không có bản gốc. Theo lời trình bày của T thì thửa đất này T mua của ông B giá 1.050.000.000 đồng nhưng không làm hợp đồng mua bán (chuyên nhượng) mà làm giấy ủy quyền và ghi lùi lại ngày 19/9/2009 để thuận tiện cho việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi mua không biết đất này Nhà nước đã thu hồi của ông B và ông B đã nhận tiền bồi thường. Còn ông B thì cho rằng ông chỉ ủy quyền cho T để đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời trước khi ủy quyền ông đã nói cho T biết rõ đất này ông đã bị Nhà nước thu hồi và ông đã nhận tiền bồi thường nhưng T nói với ông, T làm Công an và quen biết nhiều nên có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nên ông đồng ý ủy quyền cho T đi làm giấy.

Ngày 01/4/2018, Nguyễn Công T ký hợp đồng mua bán thành quả lao động gắn liền với đất (thửa đất có diện tích 6000m² nằm trong thửa đất ông B ủy quyền cho T quản lý) với ông Mai Xuân V sinh năm 1957, nơi cư trú: DC 31, Ô 46, khu dân cư V, Khu phố D, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương với giá 12 tỷ đồng. Sau khi ký hợp đồng xong, ông V đã thanh toán cho T 3,3 tỷ đồng, số tiền còn lại sau 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, ông V sẽ thanh toán cho T khi T làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên cho ông V đứng tên. Khi hết thời hạn theo thỏa thuận, T không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông V nên ông V đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P tra cứu thông tin về thửa đất trên thì biết được thửa đất trên nằm trong khu vực đất rừng do Ban Q quản lý, đã có quyết định thu hồi từ ông B và ông B đã được bồi thường tài sản trên đất, đất này không được mua bán. Sau đó, ông V nhiều lần yêu cầu T trả lại số tiền 3,3 tỷ đồng nhưng T không trả mà bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Tại Bản Kết luận giám định số 101/KL-KTHS, ngày 13/02/2020 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Công T và chữ viết gồm các chữ “Nguyễn Công T” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên của Nguyễn Công T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 79/CT-VKSTKG-P2 ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị

				<p>cáo Nguyễn Công T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.</p> <p>Ngày 18/9/2023, ông Mai Xuân V là người bị hại kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo mà ông V đưa ra là bản án thiếu công tâm, bỏ lọt hành vi phạm tội.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2020. <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <p>Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật Hình sự 2015: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: khoản 3 Điều 298; điểm a khoản 1 Điều 355 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
5.	136/2024/HS-PT	15/03/2024	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 136/2024/HS-PT ngày 15/03/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp xét xử Phúc thẩm Loại án Hình sự Tòa án xét xử TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh Áp dụng án lệ: Không 	https://drive.google.com/file/d/1RdZpSxrzRQ_Sk7iIB9hy0DTqNi1Jvuqg/view?usp=sharing

- Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm: Xử phạt bị cáo 14 năm tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

g

Tóm tắt nội dung vụ án:

Bị cáo Lê Trần Đ là người không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài và trả nợ, Đ tìm cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào tháng 7/2021, Lê Trần Đ kết nghĩa anh em với bà Trần Thị Thúy P và Đ tự xưng là người quen biết các cán bộ công tác tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, có khả năng giúp người có nhu cầu thực hiện thủ tục địa chính.

Khoảng tháng 10/2021, bà P biết ông Phan Văn H có nhu cầu tách thửa, làm đường và chuyển mục đích sử dụng đất. Vì tin lời tự xưng của Đ nên bà P điện thoại báo cho Đ biết nhu cầu của ông H và cho ông H số điện thoại của Đ để H và Đ trực tiếp trao đổi với nhau. Đ nói với H là có quen biết với nhiều cán bộ ở Bộ Tài nguyên và Môi trường, có thể giúp H làm thủ tục địa chính để giúp H mở con đường rộng 04 mét, dài 125 mét và tách thửa thành 02 thửa đất ở, phần diện tích 75 m² còn lại thì chuyển đổi mục đích thành đất ở. Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích 75 m² là 300.000.000 đồng, mở đường là 200.000.000 đồng, tách 02 thửa là 50.000.000 đồng. Tổng chi phí là 550.000.000 đồng và hẹn hết tháng 4/2022 sẽ hoàn tất công việc, thì ông H đồng ý.

Ngày 04/10/2021, H đem 70.000.000 đồng đến giao cho bà P, sau đó bà P mang toàn bộ số tiền này đến chùa Liên Hoa giao cho bà Đỗ Thị Bích L; Ngày 14/10/2021, H đem 150.000.000 đồng đến giao cho bà P, sau đó bà P chuyển cho Đ 20.000.000 đồng và mang đến chùa Liên Hoa giao cho bà L 130.000.000 đồng; Ngày 20/10/2021, H đem 50.000.000 đồng đến giao cho bà P, sau đó bà P chuyển toàn bộ số tiền này cho Đ sử dụng; Ngày 27/10/2021, H đem 30.000.000 đồng đến nhà bà P, sau đó bà P bù thêm 8.000.000 đồng rồi chuyển 38.000.000 đồng cho Đ sử dụng; Ngày 12/11/2021, Đ điện thoại yêu cầu, nên ông H đã trả cho bà Nguyễn Thị U 65.000.000 đồng và đưa cho bà Lương Thị Thanh H 20.000.000 đồng. Tổng cộng ông H đã đưa 385.000.000 đồng.

Thời gian sau đó, ông H nhiều lần điện thoại hỏi Đ về kết quả công việc, nhưng Đ không thực hiện bất cứ công việc gì và cắt liên lạc, quay về Bình Định sinh sống. Đến ngày 04/3/2022, Đ cùng bà P trở lại Đà Lạt thì Đ viết Giấy xác nhận có nhận của ông H 85.000.000 đồng và cam đoan phải thực hiện xong các công việc địa chính. Ông H hỏi về số tiền ông đã đưa cho bà P 300.000.000 đồng thì bà P yêu cầu Đ viết Giấy nhận tiền (không ghi ngày tháng năm) xác nhận có mượn của bà P 385.000.000 đồng, trong đó có 300.000.000 đồng là tiền bà P nhận từ ông H (vì tiền này bà P đã giao cho bà L theo yêu cầu của Đ) và 85.000.000 đồng mà bà P ước tính Đ còn nợ bà, bà P đưa cho ông H giữ giấy này, sau đó bà P gặp ông H lấy lại giấy, còn Đ theo bạn bè đi làm thợ xây ở nhiều nơi, không còn liên lạc với ông H.

Ngày 14/4/2022, khi làm thợ xây ở Buôn Đôn, Đ liên lạc gặp bà P thì bà P thấy Giấy nhận tiền (không ngày

tháng năm) ghi không đúng, nên yêu cầu Đ viết lại Giấy nhận tiền đề ngày 14/4/2022 với nội dung Đ nhận của ông H số tiền 300.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các giấy nhận tiền trên. Kết luận giám định số 1090/KL-KTHS ngày 01/11/2022 và số 359/KL-KTHS ngày 16/5/2022 kết luận chữ viết, chữ ký trong các tài liệu giám định là do Lê Trần Đ ký và viết ra.

Ngoài ra, vào tháng 8/2021, Lê Trần Đ đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của ông Trịnh Văn L¹ 80.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Bích L 500.000.000 đồng (đã khắc phục 365.000.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-P2 ngày 02/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Lê Trần Đ để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Trần Đ (L, Trần L) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Lê Trần Đ (L, Trần L) **14 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2023;

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các điều: 584, 586, 589, 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Lê Trần Đ phải bồi thường cho ông Phan Văn H 385.000.000 đồng.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356
3. Bộ luật Dân sự 2015: Điều 584, 586, 589, 590

				4. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	--	--	--

